

Số: /QĐ-UBND

Trà Bông, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: BTXM tuyến đường Nguyễn Tấn Thành – Hồ Văn Thái,
tổ 2, Trà Vân (nối tiếp)
Địa điểm xây dựng: xã Hương Trà, huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2022;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 16/01/2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định một số nội dung về việc Công bố các Bộ đơn giá dự toán: Xây dựng công trình; Lắp đặt hệ thống kỹ thuật; Suar chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng; Khảo sát xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với một số dự án áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án khởi công mới năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4624/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4625/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của UBND xã Hương Trà tại Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 21/3/2025; Kết quả thẩm định của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Công văn số 13/KQTD-KT&HT ngày 05/3/2025 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: BTXM tuyến đường Nguyễn Tấn Thành – Hồ Văn Thái, tổ 2, Trà Vân (nối tiếp).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: BTXM tuyến đường Nguyễn Tấn Thành - Hồ Văn Thái, tổ 2, Trà Vân (nối tiếp) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: BTXM tuyến đường Nguyễn Tấn Thành – Hồ Văn Thái, tổ 2, Trà Vân (nối tiếp).

2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm C; Công trình giao thông nông thôn, cấp C theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải.

3. Địa điểm xây dựng: xã Hương Trà, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người quyết định đầu tư: UBND huyện Trà Bồng.

5. Chủ đầu tư: UBND xã Hương Trà.

6. Tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Đức Việt.

7. Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH MTV xây dựng 02/10.

8. Mục tiêu dự án:

Đầu tư xây dựng công trình BTXM tuyến đường Nguyễn Tấn Thành - Hồ Văn Thái, tổ 2, Trà Vân (nối tiếp) nhằm khắc phục hư hỏng của tuyến đường, tạo điều kiện thuận lợi về giao thông, đảm bảo an toàn về tính mạng, tài sản của người dân khi tham gia lưu thông. Từng bước hoàn thiện tiêu chí giao thông trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Nền mặt đường:

+ Tổng Chiều dài tuyến thiết kế: 461,91m.

Trong đó: Tuyến chính đoạn từ Km0+00-:-Km0+376,34 với chiều dài L=376,34m. Tuyến nhánh từ Km0+19,02-:-Km0+104,59 với chiều dài L=85,57m. Kết cấu mặt đường bằng BTXM đá 2x4, mác 250.

+ Bề rộng nền đường: Bn=4m

+ Bề rộng mặt đường + lề gia cố: 3,0m+0,5mx2=4,0m

+ Dốc ngang mặt đường: i = 2% .

+ Tốc độ thiết kế: V = 20km/h.

+ Bán kính cong đứng tối thiểu (Lồi/Lõm): 250m/250m.

+ Bán kính đường cong nằm tối thiểu: R_{min} = 15m.

- + Độ dốc dọc lớn nhất: $i_{\max} = 15\%$.
 - + Tải trọng trục thiết kế: $P = 25\text{kN}$.
 - + Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng, như sau:
 - Mặt đường Bê tông XM M250 đá 2x4 dày 18cm.
 - Lót giấy dầu.
 - Móng đường cấp phối đá dăm dày 12cm đầm chặt $K \geq 0,95$.
 - Lớp đất đồi đầm chặt đạt độ chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm, có mô đun đàn hồi $E_{nc} \geq 40\text{Mpa}$.
 - Nền đất đầm chặt đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
 - Thiết kế khe co 5m/khe.
 - Thiết kế khe dẫn 40m/khe, chiều rộng khe dẫn 2cm.
- (Cấu tạo khe co, khe dẫn xem chi tiết bản vẽ).

9.2. Công trình thoát nước:

- Khở cống bằng khở nền đường.
- * Tiêu chuẩn thiết kế cống: Quy trình 22TCN 18-79.
- Thiết kế cống, tham khảo thiết kế điển hình: Cống tròn BTCT 533-01-01, 533-01-02
- Thiết kế qui mô BTCT vĩnh cửu.
- Tải trọng thiết kế H30 – XB80.
- Khở cống bằng khở nền đường.
- Tần suất thiết kế cống theo thủy văn tuyến đường.
- * **Kết cấu cống tròn:**
 - + Ống cống tròn lắp ghép bê tông M200 đá 1x2.
 - + Tường đầu, tường cánh, sân cống bê tông M150 đá 2x4.
 - + Móng tường đầu, móng tường cánh, thân cống bằng bê tông M150 đá 2x4
 - + Đệm cát sạn móng tường đầu, tường cánh, sân cống dày 10cm.
 - + Gia cố rọ đá lưới thép phía hạ lưu chống xói, KT:(2x1x0.5)m
- * **Công trình trên tuyến chính:**
 - Thiết kế cống tròn trên tuyến chính cống D100 tại Km0+43,02 và tại Km0+ 371,6; thiết kế cống D75 tại Km0+328,01 và cống D150 tại K0+198,89.
 - Gia cố mái taluy phải tuyến đoạn Km0+14,62-: -Km0+52,88 với L= 38,6m. Kết cấu móng chân khay bằng BTXM đá 2x4, M150, kết cấu mái taluy bằng đá 1x2, M150.
 - Gia cố mái taluy bên trái tuyến đoạn Km0+14,62-: -Km0+55,86 với L= 41,24m. Kết cấu móng chân khay bằng BTXM đá 2x4, M150. Kết cấu mái taluy bằng đá 1x2, M150.
 - Thiết kế cọc tiêu phải tuyến đoạn Km0+20,78-: -Km0+52,88 với L= 32,1m và đoạn Km0+120,33-: -Km0+145,43 với L= 25,1m (Khoảng cách 2,0m/ cọc).
 - Thiết kế cọc tiêu trái tuyến đoạn Km0+5,2-: -Km0+65,61 với L= 60,41m (Khoảng cách 2,0m/ cọc).
 - Thiết kế tường hộ lan mềm đoạn Km0+145,43-: -Km0+272,29 với L=126,85m và đoạn Km0+322,61-: -Km0+333,41 với L=10,79m.

- Gia cố rãnh thoát nước trái tuyến đoạn Km0+65,61-:-Km0+219,59 với L=153,98m và đoạn Km0+272,229-:-Km0+376,34 với L=104,53m.

- Gia cố rãnh thoát nước phải tuyến đoạn Km0+1,98-:-Km0+14,62 với L=12,63m và đoạn Km0+52,88-:-Km0+120,33 với L=67,5m.

- Thiết kế mương hộp đập đan đoạn Km0+219,59-:-Km0+272,29 với L=52,69m.

- Thiết kế mở rộng kết cấu bằng đá 2x4, M250 dày 18cm.

- Thiết kế tấm đan vào nhà dân.

*** Công trình trên tuyến nhánh:**

- Gia cố mái taluy phải tuyến đoạn Km0+26,76-:-Km0+52,97 với L=26,21m. Kết cấu móng chân khay bằng BTXM đá 2x4, M150; Kết cấu gia cố mái taluy bằng đá 1x2, M150.

- Gia cố mái taluy trái tuyến đoạn Km0+19,02-:-Km0+36,78 với L=17,76m. Kết cấu gia cố mái taluy bằng BTXM đá 1x2, M150.

- Thiết kế cống tròn trên tuyến nhánh cống D100 tại Km0+36,78.

- Gia cố rãnh thoát nước trái tuyến đoạn Km0+19,02-:-Km0+104,59, L=85,57m.

- Thiết kế cọc tiêu phải tuyến đoạn Km0+19,02-:-Km0+52,97 với L=34,12m (Khoảng cách 2,0m/ cọc).

(Nội dung chi tiết theo Hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Phòng Kinh tế và Hạ tầng kèm theo Công văn số 13/KQTĐ-KT&HT ngày 05/3/2025).

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Khảo sát:

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22 TCN 263-2000.

- Quy trình khảo sát địa chất vùng sụt trượt 22TCN 56-98.

- Công tác trắc địa trong xây dựng - yêu cầu chung TCVN 9398-2012.

- Quy trình khảo sát thủy văn 22TCN27-84.

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình 96 TCN 43-90 của Cục Đo đạc bản đồ Nhà nước.

- Quy phạm xây dựng lưới độ cao Nhà nước hạng 1, 2, 3 và 4 năm 1988.

b) Thiết kế:

- Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh ban hành các tập thiết kế mẫu đối với các công trình xây dựng đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn- yêu cầu thiết kế TCVN 10380:2014.

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-05 (tham khảo).

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu: TCVN 11823-2017.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9113:2012 về ống bê tông cốt thép thoát nước.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9116:2012 về công hộp bê tông cốt thép.
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô 22 TCN 273-01(tham khảo, thiết kế nút giao).
- Quy trình thiết kế cống theo trạng thái giới hạn 22 TCN 18-79.
- Tải trọng và tác động- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737-2020.
- Thiết kế công trình chịu động đất TCVN 9386-2012.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9845:2013 về Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ.
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574-2018.
- QCVN 40:2024/BGTVT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.
- TCVN 7887: 2018: Màn phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ.
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – Thi công và nghiệm thu TCVN 9115:2019.
- TCVN 4453-1995: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu;
- Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép- Tiêu chuẩn thiết kế, thi công, lắp đặt và nghiệm thu – TCVN 9391: 2012.
- TCVN 9436-2012: Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 4447-2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – thi công và nghiệm thu.
- Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường.
- Một số các quy trình, quy phạm khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư: 2.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*). Trong đó:

Chi phí xây dựng:	2.128.613.969	đồng
Chi phí quản lý dự án:	53.215.349	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	232.653.153	đồng
Chi phí khác:	19.136.356	đồng
Chi phí dự phòng:	166.381.173	đồng

(cụ thể chi tiết có Bảng dự toán kèm theo)

12. Tiến độ thực hiện dự án: 2025 - 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương 2.261.000.000 đồng;

- Ngân sách tỉnh 226.000.000 đồng;
- Ngân sách huyện và xã 113.000.000 đồng.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Nội dung khác: Công trình thực hiện áp dụng theo cơ chế đặc thù.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ kết quả được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, UBND xã Hương Trà có trách nhiệm tổ chức quản lý, triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng; thực hiện quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt; sớm đưa dự án vào khai thác có hiệu quả. Thực hiện các nội dung theo kiến nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Công văn số 13/KQTĐ-KT&HT ngày 05/3/2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Thủ trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Dân tộc và Tôn giáo, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XII; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Bồng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- VP. HĐND và UBND: CPVP(MN), CVMN;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Hoàng Vĩnh